

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 05 - 2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Sơn

Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đình Nam Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2026/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2026, **Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2026/QĐ-TĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2026**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Phương T**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: **Số E, đường H, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng**.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: **Số G, đường số L, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng**. Địa chỉ liên hệ: **Số E, đường H, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng**.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2012, bà Huỳnh Thị Phương T và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa bà và ông H kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Cuộc hôn nhân này đã gây cho bà T nhiều tổn thương cả về thể chất lẫn tinh thần, khiến bà luôn trong trạng thái căng thẳng, mệt mỏi và bất an. Trước đây, ông H thường xuyên tham gia cờ bạc, dẫn đến nợ nần, làm kinh tế gia đình rơi vào cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, ông H thường xuyên uống rượu bia say xỉn, nhiều lần có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm và tinh thần của mẹ bà và các con chung. Ông H cũng từng có hành vi ngoại tình, làm rạn nứt nghiêm trọng tình cảm vợ chồng. Trong sinh hoạt hằng ngày, ông H có biểu hiện kiểm soát quá mức và can thiệp sâu vào đời sống cá nhân của bà. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung Trần Huỳnh Đăng K, sinh ngày 10/10/2013 và Trần Huỳnh Anh K1, sinh ngày 14/10/2017. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/ tháng/con (02 con là 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Hiện nay bà T đang làm giáo viên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn H:

Sau khi thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng bị đơn đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh bút lục 28 thể hiện:

Bà **T** và ông **H** hiện nay đang cư trú tại **số E, đường H, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng**. Quá trình chung sống tại địa phương bà **T** và ông **H** thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn gia đình sau sắc. Bà **T** có thông báo đến thôn khi xảy ra bạo lực gia đình. Ông **H** hiện nay đang làm nghề thợ hớt tóc và đi cạo mủ cao su, lương thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà **Huỳnh Thị Phương T** được ly hôn với ông **Trần Văn H**. Về con chung: Giao con chung **Trần Huỳnh Đăng K**, sinh ngày 10/10/2013 và **Trần Huỳnh Anh K1**, sinh ngày 14/10/2017 cho bà **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/ con cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông **Trần Văn H** hiện đăng ký hộ khẩu tại **thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng** và đang sinh sống tại **số E, đường H, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện khu vực 17 – Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ

luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với ông **Trần Văn H** nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp **lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn ông Trần Văn H** không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Phương T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Bà **Huỳnh Thị Phương T** và ông **Trần Văn H** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 29/3/2012, số vào sổ 47/2017, Quyền số 01/2012, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà **T** và ông **H** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo lời khai của bà **T** và kết quả xác minh tại địa phương xác định bà **T** và ông **H** hay phát sinh mâu thuẫn về vấn đề bất đồng quan điểm sống, ông **H** thường xuyên có hành vi xúc phạm, không tôn trọng vợ con, không quan tâm thương yêu vợ con và có xu hướng bạo lực gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp để hòa giải và tạo điều kiện cho các bên đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông **H** vẫn không tham gia hòa giải tại Tòa án. Nhận thấy, ông **H** đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa bà **T** và ông **H** thật sự trầm trọng, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho bà **T** được ly hôn với ông **H** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung: Bà **Huỳnh Thị Phương T** và ông **Trần Văn H** có 02 con chung gồm cháu **Trần Huỳnh Đăng K**, sinh ngày 10/10/2013 và cháu **Trần Huỳnh Anh K1**, sinh ngày: 14/10/2017. Khi ly hôn bà **T** yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy: Cháu **Trần Huỳnh Đăng K** và cháu **Trần Huỳnh**

Anh K1 đều có ý kiến, nguyện vọng muốn được ở chung với mẹ. Hiện nay các cháu cũng đang ở cùng mẹ, bà **T** có công việc và chỗ ở ổn định. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông **H** không có bất kỳ ý kiến hay trình bày về nguyện vọng nuôi con chung. Do đó, cần giao cháu **Trần Huỳnh Đăng K** và cháu **Trần Huỳnh Anh K1** cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng nhằm giúp cháu phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cũng như về mặt tâm, sinh lý là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.3] Về cấp dưỡng: Bà **Huỳnh Thị Phương T** yêu cầu ông **Trần Văn H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu **Trần Huỳnh Đăng K** và cháu **Trần Huỳnh Anh K1** với mức 2.000.000 đồng/ tháng/con (02 con là 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của bà **T** là có căn cứ bởi lẽ bà **T** là người trực tiếp nuôi con, nên ông **H** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, ngoài ra mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng mà bà **T** đưa ra là phù hợp với mức sống tại địa phương, phù hợp với nhu cầu hiện tại của con và phù hợp với hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, cần buộc ông **H** phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng như yêu cầu của bà **T** là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 118 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với khoản tiền cấp dưỡng, bà **T** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không cần xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng: Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng về việc đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị Phương T được ly hôn ông Trần Văn H

2. *Về con chung:* Bà Huỳnh Thị Phương T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Trần Huỳnh Đăng K, sinh ngày: 10/10/2013 và Trần Huỳnh Anh K1, sinh ngày: 14/10/2017. Ông Trần Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

3. *Về cấp dưỡng:* Ông Trần Văn H phải cấp dưỡng tiền nuôi con Trần Huỳnh Đăng K, sinh ngày: 10/10/2013 và Trần Huỳnh Anh K1, sinh ngày: 14/10/2017 cho bà Huỳnh Thị Phương T mỗi tháng là 2.000.000 đồng/con (4.000.000 đồng/02 con), bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Bà T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. *Về án phí:* Bà **Huỳnh Thị Phương T** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0004286, ngày 17 tháng 3 năm 2026** của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng. Bà **T** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông **Trần Văn H** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 17 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CCTHADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THAKV 17 – Lâm Đồng;
- UBND xã Hoài Đức, Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Vân

